

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST

Ngày 01 - 02 - 2023

V/v: "T/c Hôn nhân và gia đình
xin ly hôn"

**NHÂN DẠH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Tám
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông DAh Riêng
 2. Ông Võ Minh Tuấn
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thái TrAg-Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.
- *Đại diện-Viện Kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:* Không tham gia.

Trong ngày 01 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 629/2022/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình-xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 05 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Huỳnh T, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng X, sinh năm: 1984; Địa chỉ: ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn chị Phạm Thị Huỳnh T như sau: Tôi và Anh Lê Hoàng X kết hôn với nhau vào ngày 16/7/2019 tại UBND xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được lúc đầu nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tính tình không còn phù hợp, thường xuyên cãi vã nhau dẫn đến tình cảm phai nhạt, mất hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân, không ai tới lui, quan

tâm đến nhau nữa được coi như thật sự chia tay nên nay tôi yêu cầu được ly hôn với Anh X.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê An N1, sinh ngày 25/10/2017 và Lê Bảo A, sinh ngày 26/5/2019 hiện tôi đang nuôi. Nay tôi yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của bị đơn anh Lê Hoàng X như sau: Về hôn nhân lúc đầu tôi nghĩ còn thương vợ và con nhưng quá trình xa cách tình thương không còn nên tôi cũng đồng ý thôi; Về con cái giao cho vợ nuôi, tôi không phải cấp dưỡng; Về tài sản và nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Anh Lê Hoàng X có nơi cư trú tại ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Hoàng X với tư cách là bị đơn đã có nộp bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn đồng thời kèm theo đơn xin xét xử vắng mặt, việc vắng mặt của anh Lê Hoàng X không rõ lý do. Xét thấy sự vắng mặt của anh Lê Hoàng X không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lê Hoàng X.

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Huỳnh T có đơn xin xét xử vắng mặt phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hoàng X và chị Phạm Thị Huỳnh T có đăng ký kết hôn vào ngày 16/7/2019 tại UBND xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy: Anh X và chị T sau khi thành hôn về chung sống với nhau lúc đầu có hạnh phúc nhưng dần về sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do tính tình không phù hợp, thường xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống và cũng đã nhiều lần tự khắc phục sửa chữa khuyết điểm nhưng suốt thời gian dài vẫn không mang lại kết quả mà ngược lại còn gây gắt hơn, trầm trọng hơn, cuộc sống hôn nhân đã hoàn toàn

không còn hạnh phúc, không thể duy trì để tiếp tục sống chung với nhau được nữa nên cả hai đã lựa chọn cho mình có cuộc sống riêng, độc lập, nạnh ai nấy sống, không còn quan tâm tới nhau nữa nên nay chị T kiên quyết ly hôn.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình:

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Đối chiếu với quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì mối quan hệ tình cảm vợ chồng giữa Anh X và chị T không thể tồn tại mà ngược lại bởi: Mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn, việc yêu cầu ly hôn của chị T là phù hợp cần được chấp nhận.

- Về con chung: Anh X, chị T có 02 con chung tên Lê An N1, sinh ngày 25/10/2017 và Lê Bảo A, sinh ngày 26/5/2019 hiện chị T đang nuôi. Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu Anh X cấp dưỡng nuôi con. Điều này phù hợp với ý nguyện được thể hiện trong bản tự khai của anh X là giao con cho chị T nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con, nghĩ nên ghi nhận và miễn xét.

- Về tài sản và nợ: Không có, nghĩ nên không xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị Huỳnh T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội khóa 14 về Mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 147; điểm khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về Quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Huỳnh T đối với anh Lê Hoàng X.

2. Về con chung: Xử ghi nhận sự tự nguyện giao 02 con tên Lê An N1, sinh ngày 25/10/2017 và Lê Bảo A, sinh ngày 26/5/2019 của anh X cho chị T tiếp tục nuôi đến tuổi trưởng thành (trừ trường hợp thay đổi việc nuôi con theo quy định của pháp luật), anh X không phải cấp dưỡng nuôi con; Anh X được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản và nợ: Miễn xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xử buộc chị Phạm Thị Huỳnh T phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003144, ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho chị T và anh X biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh, huyện GR;
- Chi cục thi hành án GR;
- UBND xã, thị trấn;
- Đường sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

LÊ VĂN TÁM